

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1985, địa chỉ: Xóm M, thôn CK, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Lê Duy T**, sinh 1983, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm M, thôn CK, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

- Người làm chứng: Ông **Lê Duy C**, sinh năm 1954, địa chỉ: Xóm M, thôn CK, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh T và ông C đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị **Vũ Thị H** trình bày: Chị và anh **Lê Duy T** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương ngày 11/9/2008 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung được hơn 04 năm thì anh T xuất khẩu lao động tại Đài Loan năm 2013, còn

chị ở nhà chăm sóc con. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau, sau đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt do mỗi người sống một nơi. Năm 2016, anh T về nước một thời gian ngắn, chị muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn nên cùng anh T đi lao động tại Đài Loan, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do cả hai đều nghi ngờ lòng chung thủy, nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng và quan tâm đến cuộc sống của nhau. Năm 2020, anh T về nước, sau đó tiếp tục xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay chưa về nước. Năm 2021, chị về nước và đón con về gia đình bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 09/8/2009, hiện đang ở cùng với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung và cam kết có đủ khả năng, điều kiện chăm sóc con chung đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T tại Hàn Quốc vì anh T không cho chị biết địa chỉ.

- Ông Lê Duy C là bố đẻ anh T trình bày: Anh T và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2008. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận, đến năm 2013 anh T đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan. Vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn căng thẳng từ thời điểm năm 2016 khi chị H sang Đài Loan làm việc, sau đó anh T về nước năm 2020 và đi lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về nước, còn chị H nay đã về nước và đưa con về gia đình bố mẹ đẻ ở. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh T biết về việc chị H làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh T không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại anh T có quan điểm xác định tình cảm giữa hai vợ chồng đã lạnh nhạt, sống ly thân nhiều năm nên không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống, anh T không muốn quay về chung sống với chị H nữa nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; anh T cũng đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Tại công văn số 8887/QLXNC-P5 ngày 09/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Lê Duy T, sinh ngày 08/3/1983, có thông tin xuất

nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 14/10/2019 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C8094301, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tổ tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Lê Duy T; Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Thị Vân A, sinh ngày 09/8/2009 cho đến khi con trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Anh Lê Duy T là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị H và ông C (bố đẻ anh T) cung cấp địa chỉ của anh T nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương ngày ngày 11/9/2008. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống sống vui vẻ, hòa thuận được khoảng hơn 04 năm thì mỗi người sống một nơi do anh T đi lao động tại Đài Loan cho đến năm 2016 thì về nước. Sau đó cả hai đều anh chị đều đi lao động tại Đài Loan, trong thời gian sinh sống ở nước ngoài, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do nghi ngờ nhau về sự chung thủy, không còn tin tưởng nhau dẫn đến quan điểm bất đồng và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Năm 2020, anh T về nước và tiếp tục sang Hàn Quốc làm việc đến nay chưa về nước, còn chị H nay đã về Việt Nam

và đưa con về gia đình bố mẹ đẻ ở. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên sống xa nhau nên không có sự tin tưởng trong cuộc sống, không muốn quay về chung sống với chị H nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 09/8/2009, hiện đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung, cháu Vân A mong muốn được ở với mẹ, anh T cũng nhất trí để chị H tiếp tục được nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy anh T hiện đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại con chung đang do chị H trực tiếp chăm sóc đảm bảo về mọi mặt cho con nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cháu Lê Thị Vân A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Lê Duy T.

2. Về con chung: Giao chị Vũ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Thị Vân A, sinh ngày 09/8/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2021/0000070 ngày 25/4/2022. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TH, huyện BG (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang